

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thu Hà	Ủy viên
Ông Vũ Văn Hải	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Nguyễn Kim Hoàng	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
Ông Trương Xuân Bình	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Ông Nguyễn Ngọc Vân	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 01/05/2011)

#### **Ban giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Hợp	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Minh (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2011)  
Ông Nguyễn Ngọc Vân (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)  
Bà Nguyễn Kiều Nhi (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)  
Ông Bùi Quang Thắng (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2011)

#### **Phụ trách kế toán**

Ông Đào Ngọc Bình

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Công ty con.

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện nêu trong Thuyết minh 27.1 và 27.2, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,**

---

**Nguyễn Văn Hợp**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012*

Số: /2012/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

**Kính gửi** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 30/03/2012, trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi một số hạn chế sau:**

#### ***Hạn chế về phạm vi kiểm toán***

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31/12/2011, nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2011, Công ty không thực hiện kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2011. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của hàng tồn kho cũng như không đánh giá được tính giá trị của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Đến ngày lập Báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để kết luận về tính trung thực và hợp lý của khoản mục phải thu khách hàng và công nợ phải trả người bán trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 của Công ty con với số tiền tương ứng lần lượt là: 2.287.655.394 đồng và 2.083.536.882 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

### *Ý kiến tùy thuộc*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 14, trong năm 2008 Công ty ký 02 hợp đồng với Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) gồm: Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty đã thực hiện ứng trước trực tiếp tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG số tiền khoảng 15 tỷ đồng và 60% mở LC tại ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty SHP Steriltecjnik AG không thực hiện giao hàng. Đến ngày 31/12/2010, LC mở ra để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng này nữa.

Ngoài ra, cũng liên quan đến giao dịch nhập khẩu thiết bị trên Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 với Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (Kfw). Theo điều khoản của các hợp đồng này Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã ứng trước cho Công ty 8 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa đòi được tiền từ nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG và Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam. Do có dấu hiệu không bình thường giữa các bên tham gia giao dịch này cơ quan công an đã tiến hành thu thập thông tin điều tra. Các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ nói trên có thể thay đổi tùy thuộc vào sự đàm phán giữa các bên và phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG cũng như nghĩa vụ phải trả đối với khoản công nợ người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 27.1 & 27.2, Công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc này đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

---

**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số 0933/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012*

---

**Đặng Thái Thế**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số 2033/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>01/01/2011 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.282.388.891</b>	<b>135.724.509.482</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>7.182.156.195</b>	<b>385.087.307</b>
Tiền	111		1.765.729.622	385.087.307
Các khoản tương đương tiền	112		5.416.426.573	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>185.917.400</b>	<b>176.775.850</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		453.000.000	432.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(267.082.600)	(255.424.150)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.385.937.646</b>	<b>87.318.871.590</b>
Phải thu khách hàng	131	6	11.385.511.758	22.366.956.148
Trả trước cho người bán	132	7	111.328.159.896	113.960.292.779
Các khoản phải thu khác	135	8	3.149.689.307	176.792.400
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6&7	(103.477.423.315)	(49.185.169.737)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.697.076.889</b>	<b>41.256.116.270</b>
Hàng tồn kho	141	9	21.697.076.889	41.256.116.270
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>831.300.761</b>	<b>6.587.658.465</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.510.414	3.454.766.290
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	279.790.347	3.132.892.175
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.366.284.616</b>	<b>39.739.056.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.326.794.371</b>	<b>39.610.791.950</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.664.610.985	30.409.983.000
- Nguyên giá	222		35.529.689.203	38.623.856.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.865.078.218)	(8.213.873.393)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	8.662.183.386	9.200.808.950
- Nguyên giá	228		10.475.452.725	10.475.452.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.813.269.339)	(1.274.643.775)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34.490.245</b>	<b>123.264.581</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		34.490.245	123.264.581
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.648.673.507</b>	<b>175.463.566.013</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>01/01/2011 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>180.404.501.156</b>	<b>190.415.896.108</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>179.416.257.156</b>	<b>188.987.652.108</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	132.122.833.243	154.205.580.703
Phải trả người bán	312		5.656.857.055	9.146.452.288
Người mua trả tiền trước	313	14	10.187.071.896	11.292.928.962
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		86.845.670	2.583.061
Phải trả người lao động	315		315.685.718	161.236.957
Chi phí phải trả	316	15	29.584.839.962	12.679.143.573
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	434.231.253	436.584.104
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.027.892.359	1.063.142.460
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>988.244.000</b>	<b>1.428.244.000</b>
Vay và nợ dài hạn	334	17	770.000.000	1.210.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.244.000	218.244.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(93.062.398.503)</b>	<b>(17.348.283.528)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>(93.062.398.503)</b>	<b>(17.348.283.528)</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.700.000.000	12.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.500.000.000	3.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.378.485.437)	(592.853.108)
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.268.508.230	9.268.508.230
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.568.586.982	1.568.586.982
(Lỗ) lũy kế	420		(118.721.008.278)	(43.792.525.632)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>(1.693.429.146)</b>	<b>2.395.953.433</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.648.673.507</b>	<b>175.463.566.013</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Ngoại tệ các loại			
- USD		5.064,92	1.296,01
- EURO		238,09	609,60

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Hợp**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012*

\_\_\_\_\_  
**Đào Ngọc Bình**  
**Phụ trách kế toán**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>110.603.153.212</b>	<b>398.292.232.543</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	19	468.523.440	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>110.134.629.772</b>	<b>398.292.232.543</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>96.966.354.161</b>	<b>366.390.820.000</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.168.275.611</b>	<b>31.901.412.543</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.110.755.878	10.955.366.974
Chi phí tài chính	22	22	25.099.766.865	31.558.162.329
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.722.027.545</i>	<i>28.240.368.628</i>
Chi phí bán hàng	24	23	9.302.464.359	9.406.737.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	61.116.091.411	56.586.464.014
<b>(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(81.239.291.146)</b>	<b>(54.694.584.809)</b>
Thu nhập khác	31	25	6.066.361.440	8.754.667.978
Chi phí khác	32	26	3.848.677.104	818.796.591
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.217.684.336</b>	<b>7.935.871.387</b>
<b>Tổng (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(79.021.606.810)</b>	<b>(46.758.713.422)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(79.021.606.810)</b>	<b>(46.758.713.422)</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(4.123.124.163)	(2.426.178.947)
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		(74.898.482.647)	(44.332.534.475)

**Nguyễn Văn Hợp**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

**Đào Ngọc Bình**  
**Phụ trách kế toán**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		118.974.414.880	525.904.832.860
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(80.693.901.063)	(312.120.059.012)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.799.395.559)	(7.847.408.229)
Tiền chi trả lãi vay	4		(7.735.372.233)	(19.664.753.700)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		-	(427.062.522)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		11.225.576.692	9.668.059.919
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.729.289.330)	(22.118.980.323)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.242.033.387</b>	<b>173.394.628.993</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(19.731.846.671)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.015.816.800	6.400.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		464.219.328	1.029.737.702
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.459.236.128</b>	<b>(12.302.108.969)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		62.153.023.466	325.267.177.549
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.027.990.508)	(501.359.091.293)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.000.000)	(2.282.561.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(22.904.967.042)</b>	<b>(178.374.474.744)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>6.796.302.473</b>	<b>(17.281.954.720)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>385.087.307</b>	<b>17.652.935.593</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		766.415	14.106.434
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>7.182.156.195</b>	<b>385.087.307</b>

**Nguyễn Văn Hợp**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

**Đào Ngọc Bình**  
**Phụ trách kế toán**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ-UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ-UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Công ty có trụ sở chính tại số 122 - 123 tầng 1, nhà M2, Láng Trung, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nắm giữ 232.260 cổ phần, chiếm 18,28% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 695.740 cổ phần, chiếm 54,79% vốn điều lệ của Công ty.

**1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con do Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2011	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà	2.907.000.000	5.700.000.000	51%	51%

Địa chỉ: Đường 206, Khu công nghiệp  
Phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên  
**Cộng**

**2.907.000.000**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Mua bán lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu sản xuất;
- Mua bán, sản xuất trang thiết bị y tế;
- Buôn bán các mặt hàng mỹ phẩm;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá;
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch, trang trí nội thất;
- Lắp đặt, xây dựng, thi công các công trình điện dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất chế biến dược liệu, chè và khăn bông xuất khẩu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch và số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2010/TT-BTC ngày 07/12/2010 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu “Thanh Hà” và “Haforexim” được xác định trong quá trình đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí trả trước dài hạn, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.
- Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ chi phí là 2 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ là các chi phí chuyên quyền sử dụng đất của kho Bình Dương và chi phí sơn tường nhà xưởng tại Hưng Yên.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Riêng với mặt hàng cà phê nhân xuất khẩu ra thị trường thế giới, theo tập quán thương mại quốc tế và theo phương thức thỏa thuận trong hợp đồng ký với khách hàng, giá mua bán là giá giao dịch của mặt hàng này khớp lệnh trên sàn giao dịch cà phê Luân-đôn tại một thời điểm xác định. Doanh thu được ghi nhận như sau:

- Khi xuất hàng bán, Công ty tạm ghi nhận doanh thu và giá vốn để xác định kết quả kinh doanh là bằng nhau và bằng 50% - 70% giá vốn của lô hàng.
- Khi giao dịch khớp lệnh, Công ty ghi nhận tiếp doanh thu còn lại trên cơ sở Doanh thu thực tế theo giá khớp lệnh trừ đi (-) số đã tạm ghi nhận trước đây, đồng thời ghi nhận nốt phần còn lại giá vốn của lô hàng.

**3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, chi phí tài chính trong năm 2011 sẽ tăng lên là 1.378.485.437 đồng.

**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty hiện hành là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi chuyển thành công ty cổ phần và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo, thời điểm bắt đầu áp dụng miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2005.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	46.990.084	3.372.693
Tiền gửi ngân hàng	1.718.739.538	381.714.614
Các khoản tương đương tiền	5.416.426.573	-
	<b>7.182.156.195</b>	<b>385.087.307</b>

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	453.000.000	432.200.000
<b>Tổng</b>	<b>453.000.000</b>	<b>432.200.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(267.082.600)	(255.424.150)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư</b>	<b>185.917.400</b>	<b>176.775.850</b>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khách hàng nước ngoài	220.142.040	6.136.929.000
Phải thu khách hàng nội địa	11.165.369.718	16.230.027.148
	<b>11.385.511.758</b>	<b>22.366.956.148</b>
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nước ngoài	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nội địa	(4.645.123.844)	(3.535.609.296)
+ Công ty Thiết bị phụ tùng TMT	(306.822.926)	(336.822.926)
+ Công ty TNHH Tân Phú	(4.338.300.918)	(3.198.786.370)
	<b>(4.645.123.844)</b>	<b>(3.535.609.296)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài (*)	15.048.543.824	15.048.543.824
Trả trước cho nhà cung cấp nội địa (**)	96.279.616.072	98.911.748.955
	<b>111.328.159.896</b>	<b>113.960.292.779</b>
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nước ngoài (*)	(4.514.563.147)	
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nội địa (**)	(94.317.736.324)	(45.649.560.441)
1. Công ty Cổ Phần Xanh Cà Phê	(8.722.093.820)	(4.261.600.146)
2. Công ty Cổ phần XNK Công Chính	(80.857.705.426)	(37.353.780.713)
3. Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng	(2.463.021.947)	(2.644.301.391)
4. Cơ Sở Mua Bán Nông Sản Anh Minh	(1.387.583.960)	(1.123.678.840)
5. Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt	(887.331.171)	(266.199.351)
	<b>(98.832.299.471)</b>	<b>(45.649.560.441)</b>

(\*): Đây là số dư khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) theo 02 hợp đồng: Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà đã thực hiện ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG theo các điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán thực hiện hợp đồng, hai bên vẫn chưa kết thúc việc giao hàng; đến 31/12/2010, LC mở để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và việc thực hiện hợp đồng đã dừng lại. Công ty đang liên hệ với nhà cung cấp nước ngoài và các cơ quan ban ngành có liên quan nhằm thu hồi lại khoản ứng trước này. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này việc thu hồi công nợ vẫn chưa thực hiện được. Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ này theo thời hạn quá hạn của L/C với tỷ lệ trích lập là 30% giá trị khoản công nợ.

(\*\*):

1. **Công ty Cổ phần Xanh Cà Phê:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai số 118/2011/QĐ-TLTS ngày 15/09/2011, về việc mở thủ tục thanh lý với Công ty CP Xanh Cà Phê (căn cứ vào Quyết định mở thủ tục phá sản số 33A/2011/QĐ-MTTTPS ngày 13/05/2011). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2011, chưa có quyết định chính thức về việc số tiền thực tế Công ty CP Sản xuất – XNK Thanh Hà sẽ được thanh toán là bao nhiêu và do đó khả năng thu hồi công nợ cũng chưa được xác định chắc chắn về mặt giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)**

2. **Công ty Cổ phần XNK Công Chính:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào “Biên bản hòa giải thành lập ngày 14/10/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 03/2011/TLST-KDTM ngày 03/10/2011”, Tòa án Nhân dân Thành phố Lâm Đồng đã ra “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các Đương sự số 63/2011/QĐST-KDTM ngày 24/10/2011” với thỏa thuận như sau: Công ty CP Xuất nhập khẩu Công Chính có trách nhiệm trả cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tổng số tiền là: 100.997.137.703 đồng (bao gồm: tiền mua hàng là 80.857.705.426 đồng, tiền lãi là 12.053.661.735 đồng, tiền phạt là 8.085.770.542 đồng). Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục thanh lý và thanh toán khoản công nợ của Công ty CP XNK Công Chính cho các chủ nợ.
3. **Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh:** Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, Giấy mời của Tòa án Nhân dân Quận 1 - TP Hồ Chí Minh ngày 23/11/2011 về vụ án KDTM với Công ty Hoàng Minh. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có kết quả cuối cùng của Tòa án về việc giải quyết vụ án này.
4. **Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh:** Công nợ này đã tồn tại hơn một năm và đến nay Công ty cũng chưa có các biện pháp để thu hồi công nợ.
5. **Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 01/08/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2011/TLST-KDTM ngày 15/06/2011; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai ngày 09/08/2011. Theo Quyết định này, ông Lê Thao – chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt và bà Trương Thị Hương liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền 1.064.131.907 đồng; đồng thời kể từ ngày bản án có hiệu lực chịu lãi chậm trả hàng tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

**8 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	141.944.733
Bảo hiểm xã hội	-	4.273.635
Ứng trước tiền theo thỏa thuận với công ty mua bán nợ (*)	3.000.000.000	-
Phải thu khác	149.689.307	30.574.032
	<b>3.149.689.307</b>	<b>176.792.400</b>

(\*): Đây là khoản ứng trước cho Công ty Mua bán nợ - Bộ Tài chính (DATC) theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011 và Biên bản thỏa thuận về mua nợ tồn đọng của ViettinBank Ba Đình tại Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà ngày 14/12/2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	988.627.500
Nguyên liệu, vật liệu	1.730.535.149	6.569.412.872
Công cụ, dụng cụ	16.690.700	94.091.524
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.717.261.329	3.859.355.805
Thành phẩm	10.607.930.979	3.669.632.637
Hàng hoá	6.624.658.732	26.074.995.932
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>21.697.076.889</b>	<b>41.256.116.270</b>

**10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	279.790.347	356.618.975
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	2.776.273.200
	<b>279.790.347</b>	<b>3.132.892.175</b>

(\*) Là số dư của các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để thực hiện các hợp đồng kinh doanh thu mua, xuất khẩu hàng hóa và các hợp đồng thương mại khác và đã được thu hồi trong năm 2011.

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2011	25.862.816.639	7.316.859.089	3.234.857.130	324.128.362	1.885.195.173	38.623.856.393
- Thanh lý, nhượng bán	(3.094.167.190)	-	-	-	-	(3.094.167.190)
31/12/2011	<b>22.768.649.449</b>	<b>7.316.859.089</b>	<b>3.234.857.130</b>	<b>324.128.362</b>	<b>1.885.195.173</b>	<b>35.529.689.203</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2011	(4.191.394.645)	(1.882.317.909)	(1.132.526.968)	(259.881.867)	(747.752.003)	(8.213.873.393)
- Khấu hao trong năm	(1.477.376.358)	(709.433.507)	(311.580.377)	(25.190.358)	(127.624.224)	(2.651.204.825)
31/12/2011	<b>(5.668.771.003)</b>	<b>(2.591.751.416)</b>	<b>(1.444.107.346)</b>	<b>(285.072.226)</b>	<b>(875.376.227)</b>	<b>(10.865.078.218)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2011	21.671.421.994	5.434.541.180	2.102.330.162	64.246.495	1.137.443.170	30.409.983.000
31/12/2011	<b>17.099.878.446</b>	<b>4.725.107.673</b>	<b>1.790.749.784</b>	<b>39.056.136</b>	<b>1.009.818.946</b>	<b>24.664.610.985</b>

Trong số nhà cửa vật kiến trúc, tổng nguyên giá TSCĐ hữu hình đang thế chấp tại ngân hàng là: 12.071.851.300 đồng (giá trị còn lại là: 11.074.737.761) để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngoài TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc, giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay: 2.200.733.533 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.586.973.684 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>01/01/2011</b>	<b>10.178.394.192</b>	<b>297.058.533</b>	<b>10.475.452.725</b>
- Mua trong năm	-	-	-
<b>31/12/2011</b>	<b>10.178.394.192</b>	<b>297.058.533</b>	<b>10.475.452.725</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
<b>01/01/2011</b>	<b>(1.133.540.973)</b>	<b>(141.102.802)</b>	<b>(1.274.643.775)</b>
- Khấu hao trong năm	(508.919.711)	(29.705.853)	(538.625.564)
<b>31/12/2011</b>	<b>(1.642.460.684)</b>	<b>(170.808.655)</b>	<b>(1.813.269.339)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>01/01/2011</b>	<b>9.044.853.219</b>	<b>155.955.731</b>	<b>9.200.808.950</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>8.535.933.508</b>	<b>126.249.878</b>	<b>8.662.183.386</b>

(\*) Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất Kho Gia Kiệm với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 6.630.331.763 đồng (nguyên giá tương ứng là 7.266.117.000 đồng) đang được Công ty dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản tiền vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương.

**13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011 <u>VND</u>	01/01/2011 <u>VND</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>131.682.833.243</b>	<b>153.765.580.703</b>
Vay Ngân hàng và các tổ chức tín dụng	129.096.653.053	150.094.131.421
Vay các cá nhân	2.586.180.190	3.671.449.282
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>440.000.000</b>	<b>440.000.000</b>
	<b>132.122.833.243</b>	<b>154.205.580.703</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khách hàng nước ngoài ứng tiền trước	-	937.040.097
Khách hàng nội địa ứng tiền trước	10.187.071.896	10.355.888.865
	<b>10.187.071.896</b>	<b>11.292.928.962</b>

Trong số dư người mua trả tiền trước bao gồm: 8.239.233.111 đồng là số dư trả tiền trước của Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) theo hai hợp đồng kinh tế: Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (Kfw).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc nhập hàng đã bị dừng lại (với nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG – chi tiết tại **Thuyết minh số 7**), do đó cũng chưa giao được hàng cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã có công văn yêu cầu đơn phương chấm dứt hai hợp đồng nói trên với Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam vẫn đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và chưa có phán quyết cuối cùng.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	28.875.411.286	11.868.487.002
Chi phí giám định cà phê xuất khẩu	-	52.221.000
Chi phí gia công thuê ngoài	258.656.104	363.728.063
Chi phí nhân công	118.556.613	-
Chi phí phải trả khác	332.215.959	394.707.508
	<b>29.584.839.962</b>	<b>12.679.143.573</b>

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	44.416.691	39.652.199
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	27.653.281	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	362.161.281	396.931.905
	<b>434.231.253</b>	<b>436.584.104</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**17 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.210.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>
Vay dài hạn Habubank theo hợp đồng vay số 227.SGDHN.HBB-TDH/2009 ngày 12/08/2009. Hạn mức vay 2,2 tỷ đồng, lãi suất 10,5%/năm và Công ty được hưởng hỗ trợ lãi suất là 4%/năm, thời hạn vay 5 năm. Mục đích vay mua máy tách màu quang học phục vụ cho sản xuất chè. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, theo Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2009, tài sản thế chấp là: “Máy tách màu quang học Senvec GTS 1200B và phụ kiện đồng bộ”, giá trị còn lại của tài sản thế chấp là: 2.2 tỷ đồng.	1.210.000.000	1.650.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>1.210.000.000</b>	<b>1.650.000.000</b>
Kế hoạch trả nợ gốc trong vòng 12 tháng	440.000.000	440.000.000
<i>Ngân hàng Habubank</i>	<i>440.000.000</i>	<i>440.000.000</i>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>440.000.000</b>	<b>440.000.000</b>
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>770.000.000</b>	<b>1.210.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế/ (Lỗ lũy kế) chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>01/01/2010</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(328.632.809)</b>	<b>7.504.889.993</b>	<b>630.937.128</b>	<b>214.398.320</b>	<b>5.559.122.328</b>	<b>29.780.714.960</b>
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2009				1.763.618.237	937.649.854	227.742.731	(2.929.010.822)	-
- Lỗ trong năm	-	-	-				(44.332.534.475)	(44.332.534.475)
- Chi trả cổ tức	-	-	-				(1.835.681.000)	(1.835.681.000)
- Chi từ các quỹ						(442.141.051)		(442.141.051)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-				(254.421.663)	(254.421.663)
- (Tặng)/Giảm khác	-	-	(264.220.299)					(264.220.299)
<b>31/12/2010</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(592.853.108)</b>	<b>9.268.508.230</b>	<b>1.568.586.982</b>	<b>-</b>	<b>(43.792.525.632)</b>	<b>(17.348.283.528)</b>
<b>01/01/2011</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(592.853.108)</b>	<b>9.268.508.230</b>	<b>1.568.586.982</b>	<b>-</b>	<b>(43.792.525.632)</b>	<b>(17.348.283.528)</b>
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(74.898.482.647)	(74.898.482.647)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
(Tặng)/Giảm khác	-	-	(785.632.328)	-	-	-	-	(785.632.328)
<b>31/12/2011</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(1.378.485.437)</b>	<b>9.268.508.230</b>	<b>1.568.586.982</b>	<b>-</b>	<b>(118.721.008.278)</b>	<b>(93.062.398.503)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số cổ phần CP phổ thông	Tỷ lệ	Số cổ phần CP phổ thông	Tỷ lệ
<b>Cổ đông lớn</b>	<b>574.260</b>	<b>45,22%</b>	<b>574.260</b>	<b>45,22%</b>
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (HAPROSIMEX) - do Ông Vũ Văn Hải làm đại diện	342.000	26,93%	342.000	26,93%
Ông Nguyễn Văn Hợp - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	133.600	10,52%	133.600	10,52%
Bà Bùi Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	41.260	3,25%	41.260	3,25%
Bà Nguyễn Thị Bình - Ủy viên HĐQT	37.400	2,94%	37.400	2,94%
Ông Trương Xuân Bình - Ủy viên HĐQT	20.000	1,57%	20.000	1,57%
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>695.740</b>	<b>54,78%</b>	<b>737.740</b>	<b>54,78%</b>
Các cổ đông là nhân viên trong Công ty	430.700	33,91%	472.700	37,22%
Các cổ đông bên ngoài Công ty	265.040	20,87%	265.040	20,87%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.270.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.270.000</b>	<b>100,00%</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 10.000 đồng/Cổ phiếu. Tổng vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 12.700.000.000 đồng.

**19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>110.603.153.212</b>	<b>398.292.232.543</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(468.523.440)	-
- Giảm giá hàng bán	(468.523.440)	-
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.134.629.772</b>	<b>398.292.232.543</b>

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	71.739.548.109	366.390.820.000
Giá vốn thành phẩm, bán thành phẩm đã bán	25.226.806.053	-
	<b>96.966.354.161</b>	<b>366.390.820.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	608.029.662	810.775.545
Lãi ứng trước tiền hàng	495.071.216	9.766.083.935
Cổ tức được chia	7.575.000	5.240.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.000	373.267.494
	<b>1.110.755.878</b>	<b>10.955.366.974</b>

**22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	24.722.027.545	27.834.980.032
Chi phí lãi vay phải trả do khách hàng ứng trước tiền hàng	-	405.388.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	366.080.870	3.132.403.439
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.658.450	71.384.150
Chi phí tài chính khác	-	114.006.112
	<b>25.099.766.865</b>	<b>31.558.162.329</b>

**23 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	365.216.947	51.720.300
Chi phí vận chuyển	184.544.890	1.873.903.686
Chi phí bán hàng thành phố Hồ Chí Minh	-	579.901.472
Chi phí nghiệp vụ kho Hưng Yên	525.165.445	397.704.193
Chi phí vật liệu, bao bì, vật tư bán hàng	2.122.129.069	1.189.068.276
Phí ngân hàng	51.783.137	191.149.307
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	82.054.213	78.012.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.245.666	79.174.909
Chi phí bằng tiền khác	5.901.324.992	4.966.103.314
	<b>9.302.464.359</b>	<b>9.406.737.983</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.428.735.938	3.492.723.551
Chi phí vật liệu quản lý	-	22.425.428
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.755.909	23.823.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.349.607.509	2.525.835.998
Thuế phí, lệ phí	39.711.951	190.674.066
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	54.292.253.578	49.185.169.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.988.652	248.259.505
Chi phí bằng tiền khác	885.037.874	897.552.047
	<b><u>61.116.091.411</u></b>	<b><u>56.586.464.014</u></b>

**25 THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.105.288.000	5.400.000.000
Thu nhập từ tiền phạt hàng trả lại	468.508.140	-
Công nợ xác định không phải trả nhà cung cấp,	1.110.069.095	3.176.952.097
Các khoản thu nhập khác	1.382.496.205	177.715.881
	<b><u>6.066.361.440</u></b>	<b><u>8.754.667.978</u></b>

**26 CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
TSCĐ, CCDC thanh lý	3.094.167.190	798.880.952
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	65.634.000	
Chi phí khác	688.875.914	19.915.639
	<b><u>3.848.677.104</u></b>	<b><u>818.796.591</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng công nợ ngắn hạn là 179.416.257.156 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 52.282.388.891 đồng; tổng công nợ dài hạn là 988.244.000 đồng, tổng tài sản dài hạn là 33.366.284.616 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2011 là 118.721.008.278 đồng, vốn chủ sở hữu và các quỹ là 25.658.609.775 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Giám đốc khi trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2011 là 103.477.423.315 đồng, trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền 28.875.411.286 đồng, đồng thời Công ty cũng đang xúc tiến các biện pháp để xử lý nợ ngân hàng nên Báo cáo tài chính này vẫn lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**27.2 SỰ KIỆN QUAN TRỌNG**

Tháng 12 năm 2011, Công ty đã làm việc với Công ty Mua bán nợ - Bộ Tài chính (DATC) và Công ty Cổ phần tập đoàn Intimex về việc xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty.

Theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011, DATC sẽ triển khai việc đàm phán và mua lại các khoản nợ của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (số dư gốc vay ngắn hạn của từng Ngân hàng lần lượt là 51.861.541.000 đồng và 21.146.267.892 đồng). Trên cơ sở kết quả đạt được về việc mua nợ tồn đọng của các Ngân hàng, DATC sẽ xem xét giảm trừ trách nhiệm trả nợ theo quy định hiện hành (dự kiến mức tối đa khoảng 50.000 triệu đồng) cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà, giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo Biên bản thỏa thuận về mua nợ tồn đọng của ViettinBank Ba Đình tại Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà ngày 14/12/2011, Công ty đã ứng trước cho DATC số tiền 3 tỷ đồng để thực hiện các điều khoản của Biên bản thỏa thuận nói trên. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, vẫn chưa có quyết định và thỏa thuận về kết quả cuối cùng của quá trình xử lý này.

**27.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số số liệu đầu năm đã được phân loại lại cho phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất này

---

**Nguyễn Văn Hợp**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

---

**Đào Ngọc Bình**  
**Phụ trách kế toán**